

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2025
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Y Tha Mlô

- Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-DS ngày 26/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước N – sinh năm 1965 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HN, xã QH, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Phương - sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HN, xã QH, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Phước N trình bày:**

Tôi và bà Huỳnh Thị P được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau từ năm 1984, sau khi tổ chức lễ cưới tôi và bà Phương đến lập nghiệp tại thôn HN, xã QH, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Quá trình chung sống tôi và bà P bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của chúng tôi trái ngược nhau, thời gian đầu tôi còn chịu đựng để cùng nuôi dạy các con trưởng thành. Về sau này khi các con đã lớn và có nhận thức thì tình trạng mâu thuẫn thêm trầm trọng trong việc nuôi dạy con cái, mặc dù tôi đã cố gắng duy trì hạnh phúc gia đình, mong muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nên người và nương

tự nhau khi về già tuy nhiên tôi cảm thấy tình cảm dành cho bà P đã không còn việc chung sống không hạnh phúc tôi thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và bà P ly hôn để giải thoát cho cả hai.

Về con chung tôi và bà P có 02 con chung là cháu Nguyễn Phước Q, sinh ngày 20/11/1986 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 04/10/1991, hiện các con đã trưởng thành phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và đã có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chúng tôi có 01 tài sản chung là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12, diện tích 6.657m² tại xã QH, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đất được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO398316 ngày 11/10/2023 cho ông Nguyễn Phước N, bà Huỳnh Thị P, tôi thấy việc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là chưa thiết khi cần tôi sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

*** Bị đơn bà Huỳnh Thị P không tham gia tố tụng tại Tòa án**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực đúng quy định bộ luật tố tụng

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Phước N và bà Huỳnh Thị P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1984, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, tuy nhiên quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên được xem là hôn nhân thực tế, trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, cuộc sống không hòa hợp. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho ông bà được ly hôn, về con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết, về tài sản không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Ông N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước N và bà Huỳnh Thị P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1984, không đăng ký kết hôn theo quy định

pháp luật, mặc dù ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông N cho rằng cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau, Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống hôn nhân của ông N, bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông N yêu cầu ly hôn với bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước N

- Về con chung: Ông Nguyễn Phước N và bà Huỳnh Thị P có 02 con chung là anh Nguyễn Phước Q - sinh ngày 20/11/1986 và chị Nguyễn Thị Mỹ L - sinh ngày 04/10/1991. Hiện nay các con chung của ông bà đã thành niên và tự chăm sóc được bản thân nên ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Phước N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Phước N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội

- Điều 85; Điều 89; Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước Nhân

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước N được ly hôn với bà Huỳnh Thị P

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Phước N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007681 ngày 14/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THA DS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Văn Dự

